

SỞ GDĐT TỈNH NINH BÌNH

DANH SÁCH NHÀ GIÁO (GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC) ĐÁP ỨNG ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỂ THAM DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, HẠNG II LÊN HẠNG I ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀ NHÀ GIÁO TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2313 /QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
1	Bùi Thái Học	01/05/1981		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2003	15,113	ĐH Sư phạm Vật lí;Ths Vật lí	Vật lí		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/07/2025	Đạt	
2	Nguyễn Thị Phương Dung		16/01/1983	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	10/8/2004	15,113	ĐHSP: Vật lí Thạc sĩ Vật lý	Vật lí		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2024	Đạt	
3	Hà Thị Thanh Thùy		23/11/1980	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2002	15,113	ĐHSP: Tiếng Anh. Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/12/2024	Đạt	
4	Phạm Ngọc Điều	30/10/1978		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	15/9/2001	15.113	- ĐH, chuyên ngành SP Sinh - KTNN; - ThS, chuyên ngành: OI GD	Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/4/2025	Đạt	
5	Nguyễn Duy Phương	15/9/1976		Hiệu trưởng	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1999	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Ngữ văn; Ngôn ngữ học		GV THPT hạng II; GV THPT hạng I	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/09/2024	Đạt	
6	Trần Thị Thúy Mùi		01/05/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	01/11/2000	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Sinh-KTNN; Quản lý giáo dục		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/5/2025	Đạt	
7	Lê Thị Phương Dung		04/4/1972	Hiệu trưởng	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	05/9/1993	15.113	Thạc sỹ SP Vật lí ĐH Cử nhân khoa học chuyên ngành Vật lí	Vật lí		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05. 14	6	5,70	01/9/ 2023	Đạt	
8	Lê Thị Thùy Dương		30/09/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2005	15.113	Thạc sỹ chuyên ngành phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, ĐH cử nhân chuyên ngành	Tiếng Anh		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05. 14	3	4,68	01/9/ 2025	Đạt	
9	Phạm Văn Trung	04/11/1977		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT B Nguyễn Huệ	01/11/2000	15,113	ĐH Sinh - KTNN Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/05/2025	Đạt	
10	Trần Thị Mai		27/9/1972	Hiệu trưởng	Trường THPT Mỹ Lộc	10/01/1994	15,113	Thạc sĩ Quản lý giáo dục. Đại học Sư phạm Vật lí	Quản lý giáo dục. Vật lý		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,7	01/4/2024	Đạt	
11	Mai Thị Lùng		10/11/1977	Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Văn Lan		15,113	ĐHSP Ngữ Văn; Ths Ngữ Văn	Ngữ văn		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/06/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
12	Phạm Thị Gấm		07/09/1974	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Văn Lan	01/09/1996	15,113	ĐHSP tiếng Pháp, ĐH Tiếng AnhThạc sỹ QLGD	Tiếng Pháp; Tiếng Anh		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,7	01/09/2025	Đạt	
13	Hà Văn Hải	13/08/1971		Hiệu trưởng	Trường THPT Mỹ Tho	01/09/1996	15,113	Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ môn Tiếng Anh; Thạc sĩ LL và PPDH	Tiếng Anh		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng II	V07.05.14	5	5,36	01/06/2027	Đạt	
14	Bùi Như Toán	03/06/1978		Hiệu trưởng	Trường THPT Lý Nhân Tông	01/10/2002	15.113	Đại học Thạc sỹ QLGD	Hóa học	CC BDNVSP cho GV môn Hóa học	BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/4/2025	Đạt	
15	Nguyễn Thị Dung		12/12/1973	Hiệu trưởng	Trường THPT A Hải Hậu	01/09/1994	15,113	ĐHSP	Toán		GV THPT hạng I	GV THPT hạng II	V.07.05.14	7	6,04	01/03/2025	Đạt	
16	Nguyễn Trung Hiếu	12/02/1979		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT A Hải Hậu	15/09/2001	15,113	ĐHSP Toán; Ths PPDH Toán.	Toán		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/01/2025	Đạt	
17	Vũ Văn Hoài	24/06/1980		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT B Hải Hậu	44835	15,113	ĐHSP Toán-Tin học,Ths Quản lý Giáo dục	Toán-Tin học		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/07/2025	Đạt	
18	Lê Văn Trường	20/02/1972		Hiệu trưởng	Trường THPT Thịnh Long	01/9/1994	15,113	ĐHSP;Ths Quản lý Giáo dục	Sư phạm hóa học;Ths Quản lý Giáo dục		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	7	6,04	01/9/2025	Đạt	
19	Mai Quảng Đại	20/4/1978		Hiệu Trưởng	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	23/10/2002	15,113	ĐHSP Địa lí; Thạc sỹ QLGD	Địa lí		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/10/2025	Đạt	
20	Lê Thanh Giang	13/7/1971		Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Trường THPT Giao Thủy	1/9/1999	15,113	ĐH SP Ngữ Văn; Ths Quản lý giáo dục	Ngữ Văn		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/09/2023	Đạt	
21	Nguyễn Bảo Châu		27/2/1976	Hiệu trưởng	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	36404	15,113	ĐHSP Sinh học; Tiến sĩ	Sinh học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/01/2026	Đạt	
22	Trần Văn Hanh	25/11/1973		Hiệu trưởng	Trường THPT B Trần Hưng Đạo	1/10/1997	15.113	ĐHSP chuyên ngành: Sư phạm Kỹ thuật;Ths khoa học giáo dục	ĐHSPKT;Ths khoa học giáo dục		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,7	01/7/2025	Đạt	
23	Nguyễn Thị Minh Hoa		15/9/1977	Hiệu trưởng	Trường THPT Ninh Bình-Bạc Liêu	01/9/1999	15.113	ĐHSP Ngữ văn; THS Ngôn ngữ học	- SP Ngữ văn - Ngôn ngữ học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	Hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/6/2025	Đạt	
24	Lê Quốc Huy	4/6/1971		Hiệu trưởng	Trường THPT Hoa Lư A	01/7/1994	15,113	ĐHSP Hoá học; ThS QLGD	Hoá học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	7	6,04	01/11/2025	Đạt	
25	Nguyễn Quốc Hùng	14/09/1971		Phó Hiệu trưởng	Trường Trung học phổ thông Gia Viễn A	01/11/1994	15.113	ĐHSP Hóa học,Ths QLGD	Hóa học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,7	01/11/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
26	Trần Văn Kiên	10/03/1974		Hiệu trưởng	Trường THPT Gia Viễn B	30/09/1997	15,113	ĐHSP;Ths	Vật lí		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,7	01/12/2025	Đạt	
27	Nguyễn Tiên Tiến	08/06/1981		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Gia Viễn B	06/09/2004	15,113	ĐHSP;Ths	Toán		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/06/2025	Đạt	
28	Nguyễn Thị Thanh Hà		19/8/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Gia Viễn C	15/01/2002	15,113	ĐHSP Ngữ văn;Ths QLGD	Ngữ Văn		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/01/2024	Đạt	
29	Bùi Bằng Đoàn	19/07/1982		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nho Quan A	01/9/2006	15,113	Ths ĐH	QLGD Hoá học	CC NVSP năm 2005	BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	
30	Đoàn Thị Kim Dung		21/07/1979	Hiệu trưởng	Trường THPT A Nguyễn Huệ	01/9/2001	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Hóa học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/6/2026	Đạt	
31	Đinh Khắc Xuân	10/02/1985		Phó hiệu trưởng	Trường THPT A Nguyễn Huệ	39353	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Vật lí		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	
32	Phạm Xuân Bắc	14/04/1979		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tạ Uyên	31/08/2002	15,113	ĐHSP Toán; Ths QLGD	Toán		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/12/2025	Đạt	
33	Lê Thị Lan Anh		21/07/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Kim Sơn A	01/09/2002	15,113	ĐHSP Toán - Tin học Thạc sĩ QLGD	Toán - Tin học		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/03/2025	Đạt	
34	Nguyễn Thị Bích Nguyệt		22/11/1969	Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Minh	8/3/1992	15.113	ĐHSP Tiếng Anh, Tiếng Nga; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Tiếng Nga, Tiếng Anh; Quản lý giáo dục		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	8	6,38	01/8/2025	Đạt	
35	Phạm Đức Nghĩa	17/11/1986		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Minh	39722	15,113	ĐHSP Tin học,Ths Quản lý giáo dục	Sư phạm Tin học, Quản lý giáo dục		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/08/2025	Đạt	
36	Vũ Xuân Sinh	22/07/1979		Hiệu trưởng	Trường THPT Yên Khánh A	01/02/2004	15.113	ĐH SP Hóa học; ThS, chuyên ngành: QLGD	Hóa học	CC NVSP	BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/11/2025	Đạt	
37	Mai Văn Trường	23/11/1969		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Yên Khánh A	01/09/1990	15.113	ĐH GDTC; ThS QLGD	GDTC		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	7	6,04	01/8/2025	Đạt	
38	Vũ Thị Thủy Hà		14/03/1976	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Yên Khánh B	01/10/1998	15,113	ĐHSP Tiếng Pháp; Cử nhân Tiếng Anh - Hệ SP; Thạc sỹ Tiếng Pháp - Hệ SP	Tiếng Anh Sư Phạm Tiếng Pháp Sư Phạm		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/10/2024	Đạt	
39	Tạ Thị Thu Hiền		10/12/1976	Hiệu trưởng	Trường THPT Vũ Duy Thanh		15,113	ĐH Sinh - KTNN; Thạc sỹ QLGD	Sinh-KTNN		BD theo TCCDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/10/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng đủ</u> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệm khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>15</i>	<i>26</i>	<i>27</i>	<i>28</i>	<i>29</i>	<i>31</i>	<i>39</i>	<i>40</i>

Danh sách có 39 người./.

SỞ GDĐT TỈNH NINH BÌNH

DANH SÁCH NHÀ GIÁO (KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC) ĐÁP ỨNG ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỂ THAM DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, HẠNG II LÊN HẠNG I ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀ NHÀ GIÁO TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026 (Kèm theo Quyết định số 2313 /QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
1	Trần Thị Thanh Xuân		27/12/1979	Tổ trưởng tổ Sinh-CN	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	15/09/2001	15.113	ĐHSP Sinh học; Thạc sĩ Sinh học; Tiến sĩ Sinh học	Sinh học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/01/2026	Đạt	
2	Nguyễn Hoàng Cường	28/07/1980		Tổ trưởng chuyên môn tổ Toán	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2002	15,113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Toán	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/07/2024	Đạt	
3	Nguyễn Văn Huyền	02/10/1978		Tổ trưởng chuyên môn tổ Vật lí- Công Nghệ	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/11/2000	15.113	ĐHSP Vật lí; Thạc sỹ vật lí	Vật lí lí thuyết		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/02/2024	Đạt	
4	Vũ Văn Hợp	06/07/1979		Tổ trưởng chuyên môn tổ Hóa học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	15/09/2001	15.113	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/01/2024	Đạt	
5	Ngô Trung Tường	24/06/1982		Tổ trưởng chuyên môn Tin học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2004	15,113	ĐH Tin; Thạc sỹ Tin	Tin học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/04/2026	Đạt	
6	Vũ Thị Bích Ngọc		27/11/1974	Tổ trưởng chuyên môn tổ Ngữ văn	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/1995	15.113	Đại học SP Ngữ văn; Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	6	5,70	01/10/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
7	Trần Thị Hà		02/07/1978	TPCM tổ Ngoại Ngữ	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	15/09/2001	15.113	ĐH Tiếng Anh; Thạc Sỹ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	0	4	5,02	01/10/2024	Đạt	
8	Phạm Bá Quyết	10/01/1978		Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	01/11/2000	15.113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Lí luận văn học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/08/2024	Đạt	
9	Đỗ Thị Hương Giang		05/08/1980	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	01/10/2002	15.113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Lí luận và phương pháp day học môn Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/04/2025	Đạt	
10	Nguyễn Thị Dương Liễu		21/11/1976	Giáo viên Tiếng Pháp	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	20/12/1998	15,113	ĐHSP Tiếng Pháp; Thạc sĩ Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/12/2024	Đạt	
11	Bùi Thị Hương Mơ		16/08/1982	Tổ trưởng chuyên môn tổ Sử GDKTPL	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	01/10/2004	15.113	ĐHSP Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/07/2024	Đạt	
12	Vũ Thanh Huyền		19/10/1979	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT chuyên Lê Hong Phong	15/09/2001	15,113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	7/1/2025	Đạt	
13	Điền Thị Thu Hương		28/01/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2001	15,113	ĐHSP, Thạc sĩ Hóa học	Hóa Học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/06/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
14	Bùi Khương Duy	01/03/1979		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	1/9/2001	15,113	ĐHSP, Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/6/2024	Đạt	
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc		04/06/1976	Bí thư chi bộ	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/1998	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ Toán học	Toán - Tin		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/07/2024	Đạt	
16	Trần Thị Thu Thủy		12/08/1979	Giáo viên	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/9/2002	15.113	ĐH, Thạc sĩ tiếng Anh	Tiếng Anh- Sư phạm		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/6/2025	Đạt	
17	Phạm Văn Bảo	10/7/1985		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2007	15,113	ĐH SP Vật lý; ThS Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Vật lý		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2025	Đạt	
18	Đào Thị Thủy Chung		17/10/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	29/4/2005	15.113	ĐH ngành Tiếng Nga, ĐH ngành Tiếng Anh, Thạc sĩ ngành LL và PPGD tiếng Anh	Tiếng Anh	CCNVSP	BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2025	Đạt	
19	Lưu Thị Lan Phương		20/4/1983	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2006	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/6/2025	Đạt	
20	Trần Thị Lan Dung		12/10/1979	Giáo viên	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2003	15.113	ĐH Sinh - KTN; Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Sinh - KTN		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/7/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
21	Trần Thị Anh Đào		02/12/1983	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	01/09/2005	15.113	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sỹ Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2025	Đạt	
22	Lã Văn Thanh	30/12/1977		Giáo viên	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2002	15.113	ĐH chuyên ngành Vật lý, ngành công nghệ hạt nhân; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý	Vật lí	CCNVSP	BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/7/2025	Đạt	
23	Đinh Thị Doanh		19/03/1979	Tổ trưởng chuyên môn tổ Ngữ văn	Trường THPT Ngô Quyền	15/9/2001	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học (bộ môn Ngữ văn)	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/4/2028	Đạt	
24	Đặng Thị Hường		03/09/1978	Giáo viên	Trường THPT B Nguyễn Huệ	1/10/2001	15,113	Cử nhân sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	1/1/2025	Đạt	
25	Đỗ Thị Mai Hương		18/02/1983	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2006	15,113	- Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh - Thạc sĩ ĐHNN- ĐHQGHN	Lí luận và phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2028	Đạt	
26	Phạm Thị Kiều Oanh		30/11/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Mỹ Tho	01/11/2000	15,113	ĐHSP Ngữ văn. Thạc sỹ SP Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn			GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5.36	01/08/2028	Đạt	
27	Nguyễn Thị Hiền		16/01/1982	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Mỹ Tho	01/09/2007	15,113	Đại học chuyên ngành Lịch sử. Thạc sỹ sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4.68	01/01/2026	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
28	Thái Văn Thành	29/01/1985		Giáo viên	Trường THPT B Nghĩa Hưng	39456	15,113	Đại học sư phạm Hoá học và Thạc sĩ sư phạm Hoá học	Hoá học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/01/2026	Đạt	
29	Trần Thị Thìn		20/11/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nam Trực	01/11/2000	15,113	ĐH Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD CDNN GVTHPT hạng II; BD CDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/08/2027	Đạt	
30	Trương Thị Thu Hiền		09/7/1980	Tổ phó CM	Trường THPT Trần Văn Bảo	37631	15,113	ĐH Sư phạm Khoa Ngữ văn Thạc sĩ Ngữ văn	Văn		BD theo TC CDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2027	Đạt	
31	Trần Thanh Đạm	15/06/1980		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Trãi	01/10/2004	15,113	ĐHSP Sinh-KTNN; Thạc sĩ sư phạm Sinh học	Sinh-KTNN		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/04/2025	Đạt	
32	Dương Thị Hương Giang		15/03/1978	Tổ phó CM	Trường THPT A Hải Hậu	01/11/2000	15.113	- ĐH chuyên ngành sư phạm Tiếng Anh - ThS: LL&PP dạy học bộ môn Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/02/2024	Đạt	
33	Nguyễn Thanh Huyền		13/07/1983	Tổ phó CM	Trường THPT A Hải Hậu	01/09/2005	15.113	- ĐH: chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật - ThS: LL&PPDH môn KTCN	Sư phạm Kỹ thuật		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/09/2025	Đạt	
34	Bùi Văn Lượng	13/11/1982		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT A Hải Hậu	01/10/2004	15.113	Đại học SP Toán Tin; Thạc sĩ PPDH Toán.	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/01/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
35	Trần Anh Tuấn	08/05/1979		Giáo viên	Trường THPT A Hải Hậu	01/10/2002	15.113	- ĐH Sư phạm chuyên ngành Toán học. - Thạc sĩ Sư phạm Toán học.	Sư phạm Toán học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2023	Đạt	
36	Nguyễn Diệu Hiền		16/3/1976	Tổ Phó CM	Trường THPT C Hải Hậu	09/01/1999	15,113	ĐH SP Lịch sử Thạc sỹ Lịch sử VN	Lịch sử		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/12/2024	Đạt	
37	Phạm Vĩnh Thuận	14/06/1979		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thịnh Long	01/11/2000	15,113	ĐH Thể dục thể thao; thạc sĩ Giáo dục học	Giáo dục thể chất		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/11/2024	Đạt	
38	Bùi Đức Quang	05/08/1981		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Xuân Trường B	01/10/2004	15.113	Thạc sỹ LL&PP dạy học Toán; ĐHSP	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/10/2024	Đạt	
39	Nguyễn Văn Hiến	22/10/1983		Tổ trưởng	Trường trung học phổ thông Xuân Trường C	01/9/2005	15,113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/9/2025	Đạt	
40	Vũ Văn Thảo	1/1/1980		Tổ trưởng	Trường THPT Giao Thủy	37266	15,113	ĐHSP Lịch sử; Thạc sỹ lịch sử	Lịch sử		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/01/2025	Đạt	
41	Bùi Hồng Hạnh	20/8/1978		TTCM	Trường THPT Giao Thủy	1/11/2000	15,113	ĐH Sư phạm Hóa học; Thạc sỹ Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/5/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
42	Nguyễn Thị Hiền		03/6/1977	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Giao Thủy	01/9/1999	15,113	Đại học, thạc sĩ sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/6/2025	Đạt	
43	Phạm Thanh My		14/10/1985	Giáo viên	Trường THPT Giao Thủy	01/9/2009	15,113	ĐH Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/01/2026	Đạt	
44	Vũ Văn Thạo	20/10/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Giao Thủy	01/11/2000	15,113	ĐH Sư phạm Vật lí; Thạc sỹ Sư phạm Vật lí	Sư phạm Vật lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/8/2026	Đạt	
45	Lại Đức Thắng	03/12/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Giao Thủy	36536	15.113	ĐH Toán - Tin ứng dụng; Thạc sĩ Toán	Toán	CCNVSP	BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/02/2024	Đạt	
46	Nguyễn Minh Thu		03/09/1987	Giáo viên	Trường Trung học phổ thông Giao Thủy B	01/9/2011	15,113	Đại học Sư phạm; Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/01/2026	Đạt	
47	Đỗ Thị Kim Ngân		08/08/1979	Giáo viên	Trường THPT Đĩnh Tiên Hoàng	01/9/2001	15.113	ĐHSP Thạc Sĩ	Hoá học	CCNVSP		GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/12/2024	Đạt	
48	Ngô Thị Thu Hiền		04/06/1984	Giáo viên	Trường THPT Đĩnh Tiên Hoàng	38961	15.113	ĐHSP Thạc Sĩ	Ngữ văn			GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
49	Vũ Thị Thanh Tâm		24/02/1979	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Trường THPT Ninh Bình -Bạc Liêu	01/9/2003	15.113	- Đại học - Thạc sỹ	- SP Ngữ văn - Ngữ văn: Văn học Việt Nam		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	Hạng II	V07.05.14	3	4,68	01/6/2024	Đạt	
50	Dương Văn Hưng	21/5/1983		Giáo viên	Trường THPT Hoa Lư A	01/10/2007	15,113	ĐH: SP Địa lí; Thạc sĩ: Địa lí học	Địa lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	
51	Bùi Thị Quế		6/10/1984	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hoa Lư A	1/10/2007	15,113	ĐH Lịch sử; Thạc sỹ sư phạm Lịch sử	Lịch sử		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2026	Đạt	
52	Đỗ Thị Dung		18/01/1985	Giáo Viên	Trường THPT Hoa Lư A	01/10/2010	15,113	ĐH Sư phạm Ngữ Văn; Thạc sỹ Văn học Việt Nam	Ngữ Văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2026	Đạt	
53	Nguyễn Thị Hoài Thanh		01/10/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Trung học phổ thông Gia Viễn A	01/9/2001	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Vật lý chất rắn	Vật lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/6/2025	Đạt	
54	Phạm Thị Nguyệt		11/12/1982	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Gia Viễn C	01/10/2005	15,113	ĐH Hóa; Thạc sĩ Hóa hữu cơ	Hóa học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2026	Đạt	
55	Vũ Việt Hùng	24/01/1982		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nho Quan B	06/09/2004	15.113	ĐHSP Hoá học; Thạc sỹ Hoá học	Hoá học; Hoá lý thuyết và Hoá lý		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/06/2024	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
56	Nguyễn Thị Thu Thoa		24/7/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT A Nguyễn Huệ	37135	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/06/2024	Đạt	
57	Đỗ Thị Lâm Thanh		10/3/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT A Nguyễn Huệ	01/09/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Hóa học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/09/2024	Đạt	
58	Đặng Thị Giao Thủy		10/09/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT A Nguyễn Huệ	01/10/2000	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Sinh học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/04/2026	Đạt	
59	Nguyễn Xuân Trường	04/10/1979		TTCM	Trường THPT Yên Mô A	28/8/2001	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ QLGD	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/01/2024	Đạt	
60	Nguyễn Thị Nga		23/05/1983	Giáo viên	Trường THPT Tạ Uyên	15/11/2006	15,113	ĐHSP GDCT; Ths QLGD	GDCT		BD theo TCCDNN GV THPT	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	
61	Đinh Cao Thượng	07/07/1983		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Kim Sơn A	01/10/2005	15,113	ĐHSP Toán, 2005 Thạc sỹ Toán học, 2017	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/07/2025	Đạt	
62	Trần Chí Trung	02/09/1980		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kim Sơn A	01/09/2002	15,113	ĐHSP Sinh 2002, Thạc sĩ Sinh học năm 2009	Sinh học		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/09/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
63	Nguyễn Ngọc Dư	18/10/1979		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kim Sơn A	01/09/2001	15,113	ĐHSP Vật lí-Tin học, 2001 Thạc sỹ vật lí, 2009	Vật lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	4	5,02	01/09/2024	Đạt	
64	Hoàng Thị Tư		01/3/1989	Giáo viên	Trường THPT Kim Sơn C	14/9/2011	15,113	Đại học: Sư phạm Lịch sử- Giáo dục Quốc phòng Thạc sĩ: Lịch sử Việt Nam	Lịch Sử		Chứng chỉ CDNN	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2026	Đạt	
65	Lê Thị Thao		11/12/1980	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kim Sơn C	03/03/2008	15.113	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Văn học và Văn hoá Việt Nam,	CCNVSP	BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/02/2026	Đạt	
66	Đinh Hồng Chinh	11/03/1986		Giáo viên	Trường THPT Bình Minh	01/10/2008	15,113	ĐHSP Toán;Thạc sỹ PP toán sơ cấp	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	
67	Bùi Thị Lợi		07/08/1978	Tổ trưởng CM	Trường THPT Yên Khánh A	01/10/2000	15.113	ĐH: Sư phạm Toán; ThS: Phương pháp toán sơ cấp	Toán		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/01/2026	Đạt	
68	Nguyễn Hữu Thanh	23/08/1978		Tổ trưởng CM	Trường THPT Yên Khánh A	01/09/2001	15.113	ĐH: sư phạm Địa lí; ThS: Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Địa lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/9/2025	Đạt	
69	Phạm Văn Muôn	01/02/1978		Tổ trưởng CM	Trường THPT Yên Khánh A	01/10/2000	15.113	ĐH: Sư phạm Vật lí; ThS: Vật lí chất rắn.	Vật lí		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	5	5,36	01/4/2025	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng					Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<u>đáp ứng đủ</u> các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	15	26	27	28	29	31	39	40
70	Lê Thanh Ca	12/01/1984		Giáo viên	Trường THPT Yên Khánh A	01/10/2008	15.113	ĐHSP TĐTT- GDQP; Thạc sĩ GDTC	TĐTT- GDQP		BD theo TC CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/11/2025	Đạt	

Danh sách có 70 người./.